

Số: 25 /NQ-HĐND

Tam Đường, ngày 17 tháng 12 năm 2019

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2020, huyện Tam Đường**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG KỶ HỌP THỨ MƯỜI, NHIỆM KỶ 2016 - 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lai Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND huyện Tam Đường về sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán, thu chi ngân sách địa phương năm 2020;

Sau khi xem xét Báo cáo số 637/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Tam Đường về kết quả thực hiện kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2019; Ghi danh mục vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2020; Tờ trình số 1124/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2020 huyện Tam Đường; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 huyện Tam Đường như sau:

#### **1. Nguyên tắc phân bổ**

##### **1.1. Nguyên tắc chung**

a) Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2020 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được các cấp thông qua và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2020: trong đó bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 để: thanh toán nợ xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, vốn cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia, vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020; ưu tiên bố trí vốn, thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển; các dự án quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới; không bố trí vốn cho các dự án chưa đáp ứng điều kiện theo quy định, không có khả năng giải ngân trong năm 2020.

b) Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 phải phù hợp theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch.

c) Kế hoạch đầu tư năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

d) Xây dựng phương án phân bổ kế hoạch chi tiết theo từng dự án bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2020.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực hiện phân bổ vốn phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

- + Bố trí đủ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2020 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020 theo kế hoạch trung hạn đã giao.

- + Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; thu hồi các khoản ứng trước còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021-2025; vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các Nghị định hướng dẫn; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- + Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

+ Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án thật sự cần thiết đáp ứng đủ các điều kiện: Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Đến ngày 31/10/2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án trong năm 2020 phải phù hợp và không được vượt quá số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch sau khi trừ đi lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2019.

- Không bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, không được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

1.2. Nguyên tắc riêng: Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, ngoài các nguyên tắc chung nêu trên, còn phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Bổ sung, cân đối ngân sách các công trình theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển của tỉnh và các quy định hiện hành.

- Đối với dự án khởi công mới: Bố trí cho các dự án đã được giao tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND huyện và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 giao chuẩn bị đầu tư năm 2020.

## **2. Phương án phân bổ**

2.1. Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 25.562 triệu đồng.

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 19.262 triệu đồng.

b) Nguồn vốn thu sử dụng đất: 6.300 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)*

2.2. Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 46.302 triệu đồng.

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 34.737 triệu đồng.

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 11.565 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết số 02 kèm theo)*

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao**

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

#### ***Nơi nhận:***

- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**





**Sung Lữ Páo**


**DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020**
*(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của HĐND huyện Tam Đường)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Giá trị quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu, chỉ thầu)	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số					
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>72.210</b>	<b>52.384</b>	<b>28.030</b>	<b>33.444</b>	<b>25.562</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn XDCB tập trung</b>					<b>59.055</b>	<b>42.729</b>	<b>25.907</b>	<b>26.250</b>	<b>19.262</b>	
<b>A1</b>	<b>Cân đối ngân sách huyện</b>					<b>36.535</b>	<b>25.469</b>	<b>11.737</b>	<b>19.670</b>	<b>13.208</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án tiếp chi</b>					<b>25.535</b>	<b>25.469</b>	<b>11.737</b>	<b>8.670</b>	<b>5.051</b>	
1	Trường tiểu học trung tâm xã Giang Ma	xã Giang Ma	DD cấp IV	2009	1713 - 02/12/2008	1.707	1.707	1.594	90.565	90.565	
2	Thủy lợi Thiên Thầu xã Khun Há	Xã Khun Há	15ha	2014	586-7/4/2014	750	750	700	33.773	33.773	
3	Thủy lợi Nà Đa Phìn xã Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	20ha	2014	588-7/4/2014	1.350	1.350	1.300	13	13	
4	Trại giống thực nghiệm của trung tâm dạy nghề xã Bình Lư (giai đoạn 1):	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2012-2013	2154a - 18/10/2012	924	913	838	75.3	75.3	
5	Sửa chữa cầu treo dân sinh bản Nà Hiêng - Nà Luông xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm	GT cấp IV	2010	1685 - 26-10/2010	457	454	437	17.339	17.339	
6	Sửa chữa trạm y tế các xã	Các xã	DD cấp IV	2012	1285a - 25/10/2012	1.027	975	890	84.95	84.95	
7	Nhà lớp học trường Tiểu học xã Sơn Bình	xã Sơn Bình	CTDD cấp IV	2019-2020	1880-30/10/2019	6.950	6.950	2.123	3.340	1.772	
8	Nhà chức năng trường THCS xã Hồ Thầu huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu	DD cấp IV	2019-2020	1303-31/7/2019	6.950	6.950	2.599	4.351	2.300	
9	Đường giao thông liên bản Sáy San 1 - Lao Tý Phùng xã Nùng Năng (Lồng ghép chương trình nông thôn mới)	Xã Nùng Năng	CT GT Cấp IV	2019-2020	1874-30/10/2019	5.420	5.420	1.256	664	664	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>					<b>11.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.000</b>	<b>8.157</b>	
1	Đường trục bản Can Hồ, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1619-30/10/2019	1.500			1.500	1.394	
2	Đường nội đồng Chù Khèo, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1620-30/10/2019	2.500			2.500	2.381	

STT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Giá trị quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu, chỉ thầu)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số					
3		Đường nội đồng Nậm Pha, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1621-30/10/2019	2.000		2.000	1.965	
4		Đường nội đồng Ngải Thầu Cao, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1622-30/10/2019	3.500		3.500	922	
5		Đường nội đồng Sân Phàng Cao, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1623-30/10/2019	1.500		1.500	1.495	
<b>A2</b>		<b>Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè, vùng lúa</b>									
<b>I</b>		<b>Các dự án tiếp chi</b>					<b>17.260</b>	<b>17.260</b>	<b>14.170</b>	<b>1.320</b>	<b>1.320</b>
1		Đường giao thông nội đồng vùng chè tiểu vùng xã Bản Bo, Sơn Bình, Nà Tăm	Xã Bản Bo xã Sơn Bình xã Nà Tăm	GT cấp IV	2017-2020	77/ 20.10.2016	17.260	17.260	14.170	1.320	1.320
<b>II</b>		<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>					<b>5.260</b>		<b>5.260</b>	<b>4.734</b>	
2		Đường giao thông nội đồng tiểu vùng Tam Đường		GT cấp IV	2020	1625A-30/10/2019	2.500		2.500	2.250	
3		Đường nội đồng vùng Lúa Bản Bo	Xã Bản Bo	GT cấp IV	2020	1624-30/10/2019	1.650		1.650	1.485	
4		Đường nội đồng vùng Lúa Bình Lư	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2020	1625-30/10/2019	1.110		1.110	999	
<b>B</b>		<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>					<b>13.155</b>	<b>9.655</b>	<b>2.123</b>	<b>7.194</b>	<b>6.300</b>
<b>I</b>		<b>Các công trình tiếp chi</b>					<b>9.655</b>	<b>9.655</b>	<b>2.123</b>	<b>3.694</b>	<b>1.922</b>
1		Mương thủy lợi Tác Tinh - Tề Suối Ngải	TT Tam Đường	CT TL cấp IV	2019-2020	1879-30/10/2018	1.140	1.140	-	110	110
2		Đường nội đồng bản Nà Đon, xã Bình Lư	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2019-2020	235 - 29/10/2018	635	635		102	102
3		Nhà văn hóa bản Nà Cà + các hạng mục phụ trợ	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2019-2020	237-29/10/2018	400	400		62	62
4		Nhà văn hóa bản Noong Luống + các hạng mục phụ trợ	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2019-2020	238-29/10/2018	400	400		62	62

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Giá trị quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu, chi thầu)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số					
5	Đường ngõ bản Noong Luông	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2019-2020	236-29/10/2018	130	130		18	18	
6	Nhà lớp học trường Tiểu học xã Sơn Bình	xã Sơn Bình	CTDD cấp IV	2019-2020	1880-30/10/2019	6.950	6.950	2.123	3.340	1.568	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>					<b>3.500</b>			<b>3.500</b>	<b>2.578</b>	
1	Đường nội đồng Ngại Thầu Cao, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020	1622-30/10/2019	3.500			3.500	2.578	
<b>III</b>	<b>Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai trên địa bàn</b>									<b>1.800</b>	


## DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2020


(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của HĐND huyện Tam Đường)


Đơn vị: Triệu đồng


STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
<b>TỔNG SỐ</b>						72.264	15.600	48.481	46.302	
<b>A</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>					15.886	2.297	11.567	11.565	
<b>I</b>	<b>Dự án tiếp chi</b>					11.510	2.297	7.917	7.915	
1	Đường nội đồng bản Cốc Phung - Nà Van xã Bàn Bo (Giai đoạn II)	Xã Bàn Bo	GT cấp IV	2019-2020	1876-30/10/2018	1.420	641	749	749	
2	Làm mới nước sinh hoạt Khèo Thầu	Xã Hồ Thầu	HTKT cấp IV	2019-2020	1878-30/10/2018	660	203	447	447	
3	Mương thủy lợi Tác Tinh - Tề Suối Ngải	TT Tam Đường	CT TL cấp IV	2019-2020	1879-30/10/2018	1.140	325	675	674	
4	Thủy lợi Sin Câu xã Giang Ma (Giai đoạn II)	Xã Giang Ma	CT TL cấp IV	2019-2020	1877-30/10/2018	1.030	286	714	714	
5	Thủy lợi Đông Pao 2, xã Bản Hòn, huyện Tam Đường	xã Bản Hòn	CT TL cấp IV	2019-2020	98-30/11/2018	540	62	388	388	
6	Cấp nước sinh hoạt bản Đông Pao 1, Đông Pao 2, xã Bản Hòn, huyện Tam Đường	xã Bản Hòn	NN&PTNT cấp IV	2019-2020	99 - 30/11/2018	907	102	645	645	
7	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Xi Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng	NN&PTNT cấp IV	2019-2020	71a - 30/11/2018	880	117	743	743	





STT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
8	Đường nội đồng bản Trung Chải, xã Sùng Phài, huyện Tam Đường	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2019-2020	101 -18/12/2018	595	75	470	470	
9	Đường ngõ bản Suối Thầu A - Suối Thầu B, xã Sùng Phài, huyện Tam Đường	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2019-2020	102 -18/12/2018	480	61	379	379	
10	Đường nội đồng bản Tả Chải, xã Sùng Phài, huyện Tam Đường	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2019-2020	103 -18/12/2018	860	109	691	691	
11	Đường nội đồng bản Nà Đon, xã Bình Lư	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2019-2020	235 - 29/10/2018	635	64	409	409	
12	Nhà văn hóa nhà sàn bản Nà Cà + các hạng mục phụ trợ	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2019-2020	237-29/10/2018	400	39	249	249	
13	Nhà văn hóa bản Noong Luống + các hạng mục phụ trợ	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2019-2020	238-29/10/2018	400	39	249	249	
14	Đường ngõ bản Noong Luống	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2019-2020	236-29/10/2018	130	11	71	71	
15	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Cò Nọt	xã Sơn Bình	NN&PTNT cấp IV	2019-2020	79-30/12/2018	331	41	259	259	
16	Xây mới nhà văn hóa bản Cò Nọt (Nhà sàn)	xã Sơn Bình	DD cấp IV	2019-2020	77-30/12/2018	530	68	435	435	
17	Đường nội đồng bản Huổi Ke	xã Sơn Bình	GT cấp IV	2019-2020	76-30/12/2018	286	27	173	173	
18	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường tiểu học bản Chu Va 12	xã Sơn Bình	DD cấp IV	2019-2020	78-30/12/2018	286	27	173	173	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>					<b>4.376</b>		<b>3.650</b>	<b>3.650</b>	
1	Đường nội đồng bản Đông Pao, xã Bản Hôn	xã Bản Hôn	GT cấp IV	2020		650		500	500	UBND xã Bản Hôn

STT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
2		Đường nội đồng Bản Hon, xã Bản Hon	xã Bản Hon	GT cấp IV	2020		650	500	500	UBND xã Bản Hon
3		Đường ra khu sản xuất bản Nùng Nàng, xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	GT cấp IV	2020		500	400	400	UBND xã Nùng Nàng
4		Nâng cấp đường trục bản Phìn Chải xã Giang Ma	Xã Giang Ma	GT cấp IV	2020		500	400	400	UBND xã Giang Ma
5		Kiên cố hóa nương thủy lợi bản Nà Hiêng, xã Nà Tăm	xã Nà Tăm	NN&PTNT cấp IV	2020		476	450	450	UBND xã Nà Tăm
6		Nâng cấp đường trục bản Hợp Nhất xã Bản Bo	xã Bản Bo	GT cấp IV	2020		600	500	500	UBND xã Bản Bo
7		Đường nội đồng bản Sin Chải, xã Khun Há	Xã Khun Há	GT cấp IV	2020		450	400	400	UBND xã Khun Há
8		Sân lấp mặt bằng khu vui chơi thể thao xã Thèn Sin	xã Thèn Sin	HTKT cấp IV	2020		550	500	500	UBND xã Thèn Sin
<b>B</b>		<b>Chương trình MTQG xây dựng NTM</b>		-			<b>56.378</b>	<b>13.303</b>	<b>36.914</b>	<b>34.737</b>
<b>I</b>		<b>Vốn đầu tư chương trình MTQG xây dựng NTM</b>		-			<b>56.378</b>	<b>13.303</b>	<b>35.914</b>	<b>33.737</b>
		<b>Dự án tiếp chi</b>					<b>30.421</b>	<b>13.303</b>	<b>11.412</b>	<b>11.412</b>
1		Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Lèng huyện Tam Đường	xã Tả Lèng	HTKT cấp IV	2019-2020	1873-30/10/2018	4.000	1.286	2.689	2.689
2		Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non trung tâm xã Khun Há	Xã Khun Há	CTDD cấp IV	2019-2020	1872-30/10/2018	6.770	1.885	4.415	4.415
3		Ngâm tràn liên hợp bản Lở Thàng 1 +2 xã Thèn Sin	xã Thèn Sin	HTKT cấp IV	2019-2020	1875-30/10/2018	860	787	43	43

STT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
4	Đường giao thông liên bản Sáy San 1 - Lao Tỷ Phùng xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	GT cấp IV	2019-2020	1874-30/10/2018	5.420	1.500	900	900	
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa bản San Tra Mán xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	DD cấp IV	2019-2020	102 - 26/12/2018	173	135	15	15	
6	Xây dựng nhà văn hóa bản Háng Là xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	DD cấp IV	2019-2020	99 - 26/12/2018	450	351	39	39	
7	Xây dựng nhà văn hóa bản Phìn Ngan Lao Chải xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	DD cấp IV	2019-2020	100 - 26/12/2018	345	270	30	30	
8	Xây dựng nhà văn hóa bản San Tra Mông xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	DD cấp IV	2019-2020	101 - 26/12/2018	413	324	36	36	
9	Xây dựng nhà văn hóa bản Sừ Thàng xã Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp IV	2019-2020	82a - 23/11/2018	330	270	30	30	
10	Xây dựng nhà văn hóa bản Sin Câu xã Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp IV	2019-2020	83a - 23/11/2018	330	270	30	30	
11	Xây dựng nhà văn hóa bản Mào Phô xã Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp IV	2019-2020	85a - 27/11/2018	330	270	30	30	
12	Xây dựng nhà văn hóa bản Bãi Bằng xã Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp IV	2019-2020	84a - 27/11/2018	330	270	30	30	
13	Nhà văn hóa bản Lao Chải II xã Khun Há	Xã Khun Há	DD cấp IV	2019-2020	614 - 29/11/2018	450	270	30	30	
14	Nhà văn hóa bản Nặm Pha xã Khun Há	Xã Khun Há	DD cấp IV	2019-2020	613 - 29/11/2018	350	270	30	30	
15	Kiên cố nương thủy lợi bản Nà Tăm - Nà Vàn xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm	TL cấp IV	2019-2020	50a - 30/11/2018	2.368	1.000	1.000	1.000	

STT	 <b>Danh mục dự án</b>	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
16	Đường ngõ bản các bản xã Bình Lư	Xã Bình Lư	GT cấp IV	2019-2020	253 - 22/11/2018	759	330	329	329	
17	Nâng cấp trục đường bản + nội đồng bản Phiêng Tiên xã Bản Bo	Xã Bản Bo	GT cấp IV	2019-2020	102 - 30/11/2018	1.367	771	301	301	
18	Đường nội đồng bản Bãi Trâu xã Bản Hon	Xã Bản Hon	GT cấp IV	2019-2020	100 - 30/10/2018	908	379	379	379	
19	Đường giao thông bản Hà Giang xã Bản Giang	Xã Bản Giang	GT cấp IV	2019-2020	106 - 29/11/2018	941	430	431	431	
20	Nhà văn hóa bản Nà Bò xã Bản Giang	Xã Bản Giang	DD cấp IV	2019-2020	106a - 29/11/2018	320	270	30	30	
21	Nâng cấp, sửa chữa NSH bản Chu Va 6 xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	NN&PTNT cấp IV	2019-2020	83-30/12/2018	331	270	30	30	
22	Đường ngõ bản Chu Va 8	Xã Sơn Bình	GT cấp IV	2019-2020	80-30/12/2018	120	90	10	10	
23	Đường trục bản Sùng Phài xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2019-2020	107a - 29/11/2018	986	350	350	350	
24	Nhà văn hóa bản Sùng Phài	Xã Sùng Phài	DD cấp IV	2019-2020	105-18/12/2018	330	252	28	28	
25	Nhà văn hóa bản Căn Câu	Xã Sùng Phài	DD cấp IV	2019-2020	106-18/12/2018	330	252	28	28	
26	Đường trục, ngõ bản Chu Va 6	Xã Sơn Bình	GT cấp IV	2019-2020	81-30/12/2018	120	90	10	10	
27	Đường nội đồng bản Hua Bó	Xã Sơn Bình	GT cấp IV	2019-2020	82-30/12/2018	770	481	119	119	
28	Nâng cấp, sửa chữa NSH bản 46	Xã Sơn Bình	NN&PTNT cấp IV	2019-2020	84-30/12/2018	220	180	20	20	

STT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số					
		<b>Công trình dự kiến khởi công mới năm 2020</b>				<b>25.957</b>	-	<b>24.502</b>	<b>22.325</b>		
1		Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non trung tâm xã Nà Tăm	xã Nà Tăm	DD cấp IV	2020	1617-30/10/2019	5.020	-	5.000	4.800	
2		Nhà chức năng trường THCS xã Thèn Sin	Xã Thèn Sin	DD cấp IV	2020	1478-19/9/2019	4.000	-	3.980	3.800	
3		Nhà chức năng trường THCS xã Giang Ma	Xã Giang Ma	DD cấp IV	2020	1618-30/10/2019	5.720	-	5.700	5.163	
4		Đầu tư nâng cấp NSH bản Pan Khèo xã Thèn Sin (kéo sang cụm dân cư ngoài)	Xã Thèn Sin	HTKT cấp IV	2020	1631-30/10/2019	1.338	-	1.323	1.323	
5		Đường ra khu sản xuất bản Na Đông	xã Thèn Sin	GT cấp IV	2020		860		600	600	UBND xã Thèn Sin
6		Đường nội đồng bản Vân Bình, xã Bình Lư	xã Bình Lư	GT cấp IV	2020		1.100		1.000	600	UBND xã Bình Lư
7		Nâng cấp đường trục bản Nà Ly, xã Bản Bo	xã Bản Bo	GT cấp IV	2020		750		600	600	UBND xã Bản Bo
8		Đường ra khu sản xuất bản Hoa Di Hồ	xã Bản Hon	GT cấp IV	2020		845		700	700	UBND xã Bản Hon
9		Đường giao thông bản Tẩn Phù Nhiêu xã Bản Giang	xã Bản Giang	GT cấp IV	2020		400		380	380	UBND xã Bản Giang
10		Đường giao thông bản Sin Chải xã Bản Giang	xã Bản Giang	GT cấp IV	2020		500		480	480	UBND xã Bản Giang
11		Đường nội đồng bản Nậm Dê xã Sơn Bình	xã Sơn Bình	GT cấp IV	2020		530		400	400	UBND xã Sơn Bình
12		Đường giao thông nội đồng bản San Tra Mông xã Tả Lèng	xã Tả Lèng	GT cấp IV	2020		952		800	800	UBND xã Tả Lèng

STT	 <b>Danh mục dự án</b>	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2019	Nhu cầu vốn	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
13	Đường liên bản Phìn Ngan Sin Chải - Phìn Ngan Lao Chải xã Tả Lèng	xã Tả Lèng	GT cấp IV	2020		1.063		900	900	UBND xã Tả Lèng
14	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng	xã Nùng Nàng	GT cấp IV	2020		1.057		1.042	1.042	UBND xã Nùng Nàng
15	Đường vào khu dân dân bản Na Đông xã Thèn Sin	xã Thèn Sin	GT cấp IV	2020		472		422	422	UBND xã Thèn Sin
16	Nhà văn hóa bản Thèn Sin 2, xã Thèn Sin	xã Thèn Sin	GT cấp IV	2020		400		315	315	UBND xã Thèn Sin
17	Đường trục bản Làng Giàng giai đoạn 3 xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2020		350		310		UBND xã Sùng Phài
18	Đường trục bản Cư Nhà La (tuyến 2) xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2020		300		275		UBND xã Sùng Phài
19	Đường ngõ bản Sin Chải xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	GT cấp IV	2020		300		275		UBND xã Sùng Phài
II	<b>Hỗ trợ phát triển hợp tác xã</b> (Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)		-			-		1.000	1.000	Phòng NN&PTNT